toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	27,973,806	6,123,912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,192,983,460	14.780.227
Các khoản tương đương tiền (*)		
Cộng	**2.220.957.266**	**20.904.139**

2. Phải thu của khách hàng

2a. *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	**53,980,827,382**	***53.981.641.532***
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	53,892,725,040	53.893.539.190
Cty cổ phần TM Xây dựng Hoàng Long	88.102.342	88.102.342
Phải thu các khách hàng khác	**26,309,478,948**	***14.027.222.128***
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	9.315.527.734	9.315.527.734
Công ty Cp Chăn Nuôi Việt Nam C.P.	10 950 652 660	
Các khách hàng khác	6,043,298,554	4.711.694.394
Cộng	**80.290.306.330**	**68.008.863.660**

2b. *Phải thu dài hạn của khách hàng*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	723.287.361	723.287.361
Cộng	**723.287.361**	**723.287.361**

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

3a. *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	***29.515.324.143***	***46.198.428.842***

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	27,489,656,423	44.172.761.122
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn	2.025.667.720	2.025.667.720
Trả trước cho người bán khác	***11.990.755.721***	***4.061.403.553***
Hội đồng BTGPMB DA chăn nuôi BSTTQMCN Nghĩa Đàn	400.000.000	
CTY CP Đầu tư xây dựng Hà Thái	4 383 760 477	
Công ty Thịnh Gia	1 902 000 000	
Các nhà cung cấp khác	5.304.995.244	4.061.403.553
Cộng	**39.480.412.144**	**50.259.832.395**

4. Phải thu khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	***35.776.727.692***		***32.562.912.149***	
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000		2.211.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam - các khoản chi hộ	8.123.395.577		7.089.121.486	
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào - các khoản chi hộ	968 281 250		966.281.250	
Nguyễn Văn Hùng			417.000.000	
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt - Tiền cho mượn	45.000.000		45.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn - các khoản	3 262 249 836		3.119.826.836	

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
chi hộ				
Nguyễn Hữu Trung - Tạm ứng	3 562 582.121		3.562.390.121	
Nguyễn Văn Hùng - Tạm ứng	9 786 017 164		9.810.246.312	
Trần Thanh Hiệp - Tạm ứng	5 977 359 615		3.547.559.015	
Trần Thanh Hữu - Tạm ứng	1 840 842 129		1.794.487.129	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	**8.748.025.727**	**(2.269.894.715)**	**9.789.416.095**	**(2.087.644.863)**
Ký cược, ký quỹ	136 259 147		136.259.147	
Các khoản chi hộ, tạm ứng	1.512.365.700	(235.300.000)	1.512.365.700	(235.300.000)
Tạm ứng	3.934.649.744	(2.034.594.715)	4.964.782.688	
Quĩ khen thưởng	68.604.432		68.604.432	
Thuế GTGT chưa xuất hóa đơn			1.034.274.091	
Khác	3.096.146.704		2.073.130.037	(1.852.344.863)
Cộng	**44.524.753.419**	**(2.269.894.715)**	**42.352.328.244**	**(2.087.644.863)**

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
Phải thu các bên liên quan	***16.389.674.085***		***29.998.674.680***	
Ông Nguyễn Hữu Trung			1.200.000.000	
Ông Nguyễn Văn Hùng			1.200.000.000	
Ông Nguyễn Đức Mạnh			1.200.000.000	
Ông Trần Thanh Hiệp			8.809.000.000	
Ông Trần Thanh Hữu			1.200.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoành Sơn - Phải thu về góp vốn đầu tư	16.389.674.680		16.389.674.680	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	***1.067.675.085***		***300.000.000***	
Ký cược, ký quỹ	1.067.675.085		300.000.000	
Cộng	**17.457.349.765**		**.30.298.674.680**	

5. Phải thu cho vay dai hạn 13.609.000.000

Cho các bên liên quan vay	**13.609.000.000**
Ông Nguyễn Hữu Trung	1.200.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	1.200.000.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh	1.200.000.000
Ông Trần Thanh Hiệp	8.809.000.000
Ông Trần Thanh Hữu	1.200.000.000

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan		***88.102.342***			***88.102.342***	
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long		88.102.342			88.102.342	26.430.703
Phải thu tiền bán hàng (i)	*Từ trên 3 năm*	*88.102.342*		*Từ trên 3 năm*	*88.102.342*	
Các tổ chức và cá nhân khác		***2.752.229.288***	***276.616.833***		***2.476.482.187***	***183.119.585***
Công ty Cổ phần Trường Sơn		235.300.000			235.300.000	
Phải thu tiền chi hộ (ii)	*Trên 3 năm*	*235.300.000*		*Từ 2 năm đến 3 năm*	*235.300.000*	
Ông Nguyễn Huy Liêm		1.383.313.839			1.383.313.839	
Phải thu tiền cho vay (iii)	*Trên 3 năm*	*1.383.313.839*		*Từ 2 năm đến 3 năm*	*1.383.313.839*	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		2.475.612.454	276.616.833		857.868.348	183.119.585
Phải thu tiền chi hộ (iv)	*Từ 1 năm đến 2 năm*	*372.263.307*	*191.335.652*	*Dưới 1 năm*	*35.597.163*	*24.918.014*
Phải thu tiền chi hộ (v)	*Từ 2 năm đến 3 năm*	*284.270605*	*85.951.398*	*Từ 1 năm đến 2 năm*	*171.902.796*	*85.951.398*
Phải thu tiền chi hộ(vi)	*Trên 3 năm*	*2.095.695.376*		*Từ 2 năm đến 3 năm*	*240.833.912*	*72.250.173*
Phải thu tiền chi hộ(vi)	*Trên 3 năm*			*trên 3 năm*	*409.534.477*	
Cộng		**2.840.331.630**	**276.616.833**		**2.564.584.529**	**183.119.585**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn Số đầu năm			**Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn Số cuối kỳ**
2.381.464.944	Trích lập trong năm	182.249.853	2.563.714.797

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		**Số đầu năm**	
	Giá gốc	**Dự phòng**	**Giá gốc**	**Dự phòng**
Nguyên liệu, vật liệu	4,262,816,517		383,191,065	
Công cụ, dụng cụ	186,510,601		1,000,000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19,123,014,055		15,210,429,796	
Thành phẩm	7,983,200,129		6.186.007.645	
Hàng hóa	65.865.018		65.865.018	
Cộng	**31.985.406.320**		**21.846.493.524**	

Trong kỳ công ty nhập mua nguyên vật liệu chuẩn bị phục vụ sản xuất tại nhà máy đá nhân tạo.

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
Công cụ dụng cụ	62.100.125	4.295.151
Phí bảo lãnh		30.909.090
Cộng	**62.100.125**	**35.204.241**

8b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí Công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
Công cụ dụng cụ	686,398,214	596.992.616
Phí bảo hiểm		8.182.667
Cộng	**686.398.214**	**605.175.283**

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	**Máy móc và thiết bị**	**Phương tiện vận tải, truyền dẫn**	**Tài sản cố định hữu hình khác**	**Cộng**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	**781.988.436**	**32.450.441.914**	**8.041.665.944**		**41.274.096.294**
Mua trong kỳ	24.294.894.306	81.312.813.029	2.457.323.612	4.406.198.949	112.471.229.896
Giảm trong kỳ		1.800.000.000	494.015.455		2.294.015.455
Số cuối kỳ	**25.076.882.742**	**111.963.254.943**	**10.004.974.101**	**4.406.198.949**	**151.451.310.735**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		1.573.000.000			1.573.000.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	377.487.564	13.170.946.438	2.936.347.251		16.484.781.253
Tăng do khấu hao trong kỳ	401.385.084	5.828.598.765	1.774.586.253	71.716.200	8.076.286.302
Giảm trong kỳ		1.800.000.000	494.015.455		2.294.015.455
Số cuối kỳ	**778.872.648**	**17.199.545.203**	**4.216.918.049**	**71.716.200**	**22.267.052.100**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	**404.500.872**	**19.279.495.476**	**5.105.318.693**		**24.789.315.041**
Số cuối kỳ	**24.298.010.094**	**94.763.709.740**	**5.788.056.052**	**4.334.482.749**	**129.184.258.635**

10. Tài sản cố định vô hình

Là Giấy phép khai thác mỏ đá Quỳ Hợp – Nghệ An
Chi phí giải phóng đền bù tại Nghia Đàn

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm			7.952.291.685
		2.022.708.315	
	9.975.000.000		-570.289.911
Khấu hao phân bổ vào chi phí xây			
		570 289 911	
dựng cơ bản trong năm	15 902.186.641		15 902.186.641
Số cuối năm	**25.877.186.614**	**2.592.998.226**	**23.284.188.388**

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang